TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Minh C**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện C, tỉnh K.
2. Bị đơn: Anh **Danh D**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Thị Minh C có mặt, anh Danh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 của chị Thị Minh C, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hòa giải, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Thị Minh C trình bày:*

Vào năm 2017, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Danh D chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2022 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 01 người con chung là cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng; không có tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh Danh D

thường xuyên nhậu nhẹt say sưa, không lo gì cho vợ con, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Danh D không nghe nên chúng tôi đã ly thân từ ngày 01/01/2023 dương lịch cho đến nay, tôi và cháu Danh Thị Hà M về sinh sống tại nhà mẹ ruột của tôi tại ấp X.

Tôi làm công nhân làm cá ở cảng cá Tắc Cậu, làm công ăn sản phẩm, mỗi tháng thu nhập trung bình khoảng 6.000.000 đồng. Anh Danh D làm ngư phủ nhưng thường xuyên ở nhà nhậu nhẹt, thu nhập không ổn định.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Danh D.

- Về con chung: Được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017 cho đến khi cháu Danh Thị Hà M tròn 18 tuổi; tôi không yêu cầu anh Danh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Anh Danh D trình bày:*

Chị Thị Minh C trình bày về hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Tôi làm nghề ngư phủ, khi không làm ngư phủ thì tôi ở nhà tiếp cha mẹ tôi làm ruộng, thu nhập không ổn định, tính trung bình thì thu nhập của tôi khoảng 5 đến 6.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của tôi như sau:

- Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn với chị Thị Minh C.

- Về con chung: Nếu Tòa án xử cho tôi và chị Thị Minh C ly hôn thì tôi đồng ý cho chị Thị Minh C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017 cho đến khi cháu Danh Thị Hà M tròn 18 tuổi; tôi không cấp dưỡng nuôi cháu Danh Thị Hà M, tôi có bao nhiêu thì tôi cho cháu Hà M bấy nhiêu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

** Tại phiên tòa*, chị Thị Minh C vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2017, chị Thị Minh C và anh Danh D thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 31/7/2023, chị Thị Minh C gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Danh D và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị Thị Minh C và anh Danh D. Anh Danh D có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp X, xã B, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết vụ án, anh Danh D không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Danh D tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/8/2023 cho anh Danh D theo quy định của pháp luật, anh Danh D vắng mặt phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt (BL 28), được sự thống nhất của chị Thị Minh C, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Danh D theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Minh C:

2.1. Về hôn nhân: Chị Thị Minh C và anh Danh D tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2022 và đã được UBND xã Bình An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 nên theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Minh C và anh Danh D là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Thị Minh C yêu cầu được ly hôn với anh Danh D.

Xét rằng: Chị Thị Minh C và anh Danh D đã ly thân từ ngày 01/01/2023 dương lịch cho đến nay, chị Thị Minh C và cháu Danh Thị Hà M về sinh sống tại nhà mẹ ruột của chị Thị Minh C tại ấp X. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tạo điều kiện hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thị Minh C và anh Danh D nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, chị Thị Minh C vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Danh D. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Thị Minh C và anh Danh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Minh C đối với anh Danh D.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Thị Minh C và anh Danh D tự nguyện xác định là anh, chị có một người con chung là cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017.

Xét rằng: Từ khi chị Thị Minh C và anh Danh D ly thân đến nay thì chị Thị Minh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Danh Thị Hà M; hiện nay chị C có nghề nghiệp và thu nhập ổn định- làm công nhân với mức lương trung bình là 6.000.000 đồng/tháng (BL 31). Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Danh Thị Hà M và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu My, Tòa án chấp nhận cho chị Thị Minh C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017 cho đến khi cháu Danh Thị Hà M tròn 18 tuổi; anh Danh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thị Minh C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Minh C và anh Danh D không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị Minh C.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Thị Minh C phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Minh C phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Minh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000937, ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Minh C không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Minh C và anh Danh D.

2- Về con chung: Cho chị Thị Minh C được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Danh Thị Hà M, sinh ngày 19/12/2017 cho đến khi cháu Danh Thị Hà M tròn 18 tuổi; anh Danh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thị Minh C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Thị Minh C và anh Danh D không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

5- Về án phí:

Chị Thị Minh C phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Thị Minh C phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Minh C đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000937, ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Thị Minh C không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Danh D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Chị Thị Minh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (08/9/2023); anh Danh D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- UBND xã Bình An, h Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương